

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01-6-2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Phan Văn Hoàng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:44/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thúy A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 36 ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-02-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và Anh S chung sống với nhau năm 2021 và có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T. Chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; Anh S uống rượu về cãi nhau và anh còn nghe lời cha mẹ chồng đuổi Chị A đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay Chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh S.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thúy V, sinh ngày 07/11/2021, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị có nghề nghiệp bán quán ăn sáng, một tháng thu nhập khoảng 10 triệu đồng, thu nhập tự do nên không có chứng cứ cung cấp.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị A về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo Anh S thì cuộc sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn trầm trọng, từ khi cưới nhau cuộc sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, do vợ chồng sống chung với cha mẹ anh nên Chị A hay tỏ ra khó chịu muốn vợ chồng ra ngoài sống riêng nhưng anh không đồng ý vì gia đình chỉ có mình anh là con trai. Từ đầu tháng 02/2023, Chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và yêu cầu ly hôn với anh. Bản thân anh vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn mong Chị A quay về chung sống cùng lo cho con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, Chị A ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Thúy V, sinh ngày 07-11-2021, từ khi Chị A bỏ nhà đi con vẫn được Anh S và cha mẹ anh chăm sóc chu đáo, con

khỏe mạnh phát triển bình thường và anh không yêu cầu Chị A cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề buôn bán rau, có nhiều mối nên thu nhập bình quân một tháng khoảng 15.000.000 đồng, thu nhập tự do nên không có chứng cứ cung cấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị A đối với Anh S; Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và Anh S, Anh S có nơi cư trú tại tổ 6 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị A và Anh S tự nguyện tìm hiểu chung sống năm 2021 và đăng ký kết hôn ngày 14/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ban đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống giữa vợ chồng anh chị cũng có những bất đồng mâu thuẫn xảy ra nhưng không đáng kể, nguyên nhân là do anh chị ở chung với cha mẹ chồng, Chị A muốn

vợ chồng ra mướn nhà ở riêng để buôn bán nhưng Anh S không đồng ý, từ đó dẫn đến giữa vợ chồng anh chị có những hiểu lầm, mâu thuẫn với nhau.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa vợ chồng Chị A và Anh S có phát sinh một số mâu thuẫn nhưng chỉ là tạm thời, trong khi cuộc sống vợ chồng là dài lâu. Những mâu thuẫn giữa vợ chồng Anh S, Chị A vẫn có khả năng sửa chữa, khắc phục được tình trạng hôn nhân của anh chị chưa đến mức phải ly hôn.

Hơn nữa, Anh S vẫn còn yêu thương Chị A, muốn vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung, Chị A cũng có từng có gia đình và có con riêng nên Anh S không muốn Chị A bị đổ vỡ hôn nhân thêm một lần nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị A chưa thỏa mãn các quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị A đối với Anh S.

[3] Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị A nên không đặt ra xem xét.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí theo qui định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ly hôn chị Huỳnh Thị Thúy A đối với anh Nguyễn Văn S. Chị Huỳnh Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn S vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thúy A phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018185 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Chị A đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương

Nội nhân:
THẨM

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU SÔ

-Phòng KTNV, TAND tænh Taây Ninh;

TÒA

-VKSND h. CT, tỉnh TN;

- Chi cục THADS h.CT, tỉnh TN;

-Cauc ñông sõi;

- Ủy ban ND xã T, h CT, tỉnh TN;

- Lầu hoà sô;

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Đỗ Thị Hương